

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**Đầu năm học 2025-2026**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Tên cơ sở giáo dục:** Trường PTDTBT Tiểu học Bảo Hà

**2. Địa chỉ**

- Bản Tấp 2, xã Bảo Hà, tỉnh Lào Cai

- Địa chỉ thư điện tử: [ptdtbtthbaoha@laocai.gov.vn](mailto:ptdtbtthbaoha@laocai.gov.vn)

- Website: <https://thbaoha-baoha.gddt.edu.vn/>

**3. Loại hình trường:** Trường công lập do UBND xã Bảo Hà quản lý trực tiếp và Sở GD&ĐT quản lý chuyên môn theo quy định.

**4. Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục của nhà trường**

**4.1. Tầm nhìn**

Xây dựng nhà trường an toàn, hạnh phúc, chất lượng giáo dục thực chất. Là nơi phụ huynh học sinh hoàn toàn yên tâm để lựa chọn cho con em mình học tập và rèn luyện.

**4.2. Sứ mệnh**

Giáo dục học sinh phát triển toàn diện về phẩm chất và năng lực.

**4.3. Giá trị cốt lõi:**

*Chuẩn mực- Tiên phong- Nhân ái- Sáng tạo- Hội nhập*

**4.4. Triết lý giáo dục**

Học để biết cách học, học để làm, học để cùng chung sống, học để sáng tạo!

**5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển**

Trường PTDTBT Tiểu học Bảo Hà tiền thân là trường PTCS Bảo Hà 2, được chia tách và thành lập từ ngày 15 tháng 11 năm 2002 theo Quyết định số 815/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2002 của UBND huyện Bảo Yên, khi đó trường mang tên là trường tiểu học số 2 xã Bảo Hà. Từ ngày 01/9/2023, trường được đổi tên thành trường PTDTBT Tiểu học Bảo Hà theo Quyết định 2431/QĐ-UBND ngày 30/8/2023 của UBND huyện Bảo Yên.

Trường PTDTBT Tiểu học Bảo Hà nằm cách trung tâm xã Bảo Hà khoảng 5km về phía Đông, nhà trường có 06 điểm trường, điểm trường Trung tâm được đặt tại

bản Tập 2 và 5 điểm trường lẻ là điểm trường Bông 1 + 2; điểm trường Bông 3; điểm trường Chùn; điểm trường Khoai 1 + 2 và điểm trường Khoai 3. Các điểm trường được đặt tại trung tâm các bản thuận lợi cho việc học sinh đi lại và học tập, điểm trường xa nhất là điểm trường Khoai 1 + 2 cách điểm trường Trung tâm khoảng 12 km.

Ngày đầu mới thành lập, nhà trường còn rất nhiều khó khăn về cơ sở vật chất, thiếu phòng làm việc, phòng học bộ môn, các phòng học chủ yếu là phòng tạm tranh tre, vách nứa. Đội ngũ nhà giáo thiếu về số lượng và cơ cấu bộ môn, chất lượng giáo dục của nhà trường còn thấp.

Sau 20 năm xây dựng và phát triển đến nay, được sự quan tâm của các cấp quản lý, cùng với sự quyết tâm của các thế hệ nhà giáo, trường PTDTBT Tiểu học Bảo Hà đã có bước chuyển mình mạnh mẽ. Quy mô trường lớp được duy trì ổn định, tổng số học sinh toàn trường duy trì hàng năm đều trên 400 học sinh tham gia học tập và rèn luyện. Cơ sở vật chất của nhà trường được đầu tư xây dựng đồng bộ. Hiện tại, nhà trường đã có đầy đủ các phòng học, phòng bộ môn và phòng chức năng phục vụ cho các hoạt động giáo dục. Đội ngũ nhà giáo đủ về số lượng và cơ cấu bộ môn, toàn trường có 35 cán bộ, giáo viên, nhân viên; đội ngũ nhà giáo vững vàng về chuyên môn nghiệp vụ, nhiều thầy cô đạt giáo viên dạy giỏi cấp huyện, cấp tỉnh. Năm học 2024- 2025, nhà trường có 02 thầy cô đạt giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh, 14 thầy cô đạt giáo viên dạy giỏi cấp huyện.

Chất lượng giáo dục của nhà trường từng bước được nâng lên rõ rệt, tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học luôn đạt từ 95% trở lên; số lượng học sinh tham gia và đạt giải cao trong các cuộc thi, giao lưu cấp huyện, cấp tỉnh tăng dần theo từng năm.

Từ năm học 2016- 2017 đến nay, năm học nào nhà trường cũng được đánh giá xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên và được tặng danh hiệu tập thể Lao động tiên tiến; Chi bộ Đảng được đánh giá Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Đội TNTP Hồ Chí Minh luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và được các cấp quản lý tặng giấy khen; nhiều cá nhân cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường được tặng danh hiệu Lao động tiên tiến, Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở, Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh, Bằng khen của Liên đoàn Lao động tỉnh và Bằng khen của Thủ tướng chính phủ. Năm học 2022- 2023, tập thể nhà trường được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và được Chủ tịch UBND tỉnh tặng Cờ thi đua. Năm học 2023-2024, tập thể được Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen. Năm học 2024- 2025, tập thể nhà trường được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ, được tặng danh hiệu tập thể Lao động tiên tiến.

## **CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NHÀ TRƯỜNG**

Trường PTDTBT Tiểu học Bảo Hà hướng tới: Xây dựng trường học an toàn, hạnh phúc, chất lượng giáo dục thực chất. Là nơi phụ huynh học sinh hoàn toàn tin tưởng lựa chọn cho con em mình đến học tập và rèn luyện với 5 giá trị cốt lõi: Chuẩn mực- Tiên phong- Nhân ái- Sáng tạo- Hội nhập.

Trường PTDTBT Tiểu học Bảo Hà duy trì và nâng cao chất lượng của trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, cơ sở vật chất của nhà trường được chuẩn hóa, đến năm 2026, 100% số phòng học được lắp đặt các thiết bị dạy học hiện đại (ti vi, máy

chiếu hoặc bằng tương tác...). 100% cán bộ quản lý, giáo viên có bằng Đại học theo chuyên ngành đào tạo, có cán bộ, giáo viên có bằng Thạc sỹ. Chất lượng học sinh đại trà được duy trì bền vững, chất lượng học sinh mũi nhọn được nâng lên, có học sinh đạt giải cuộc thi sân chơi cấp quốc gia.

Đến năm 2028, cơ sở vật chất của nhà trường được trang bị hiện đại, 100% số phòng học được trang bị đầy đủ các thiết bị hiện đại phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập. Cán bộ, giáo viên, nhân viên làm chủ công nghệ thông tin, 100% công việc được triển khai trên nền tảng công nghệ số. Chất lượng giáo dục của nhà trường được khẳng định vị thế, có học sinh đạt giải cấp quốc gia.

## 6. Thông tin người đại diện pháp luật

Họ và tên: Nguyễn Viết Thanh

- Chức vụ: Hiệu trưởng

- Địa chỉ nơi làm việc: **Bản Tấp 2, xã Bảo Hà, tỉnh Lào Cai**

- Số điện thoại: **0868050981**

- Địa chỉ thư điện tử: [nguyenvietthanh@laocai.gov.vn](mailto:nguyenvietthanh@laocai.gov.vn)

## 7. Tổ chức bộ máy

### a) Quyết định thành lập trường

Quyết định số 2431/QĐ-UBND ngày 30/8/2023 của UBND về việc thành lập trường PTDTBT Tiểu học Bảo Hà.

Quyết định số 2077/QĐ-UBND ngày 20/6/2025 Quyết định chuyển giao trường học.

### b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

Hội đồng trường Trường PTDTBT Tiểu học Bảo Hà được thành lập theo Quyết định số 3168/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2020 của UBND huyện Bảo Yên. Hội đồng trường được kiện toàn lại theo Quyết định số 2041/QĐ-UBND ngày 16/10/2024 của Chủ tịch UBND huyện Bảo Yên, gồm 11 thành viên.

ST T	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	CV trong HD trường	Ghi chú
1	Nguyễn Viết Thanh	05-09-1981	Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	Lương Thị Luyện	01-09-1991	TTCM	Thư ký	
3	Vũ Văn Nguyên	15-8-1988	Công chức văn hóa xã	Thành viên	
4	Phạm Thị Mai Khang	25-01-1969	Phó Hiệu trưởng	Thành viên	
5	Nguyễn Thị Bích Hiệp	25-09-1980	PHT	Thành viên	

6	Nguyễn Tuấn Long	14-10-1976	Tổng PT Đội	Thành viên	
7	Lương Đình Trung	12-07-1986	Bí thư Đoàn thanh niên	Thành viên	
8	Giàng Seo Thùng	06-12-1986	Giáo viên	Thành viên	
9	Điêu Thị Huê	06-12-1986	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên	
10	Hà Thị Thủy	28-09-1977	Nhân viên	Thành viên	
11	Phạm Thị Luyến	02-02-1990	Đại diện cha mẹ học sinh	Thành viên	

***c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng***

Quyết định số 2689/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2023 của UBND huyện Bảo Yên về việc bổ nhiệm cán bộ chức vụ Hiệu trưởng trường PTDTBT Tiểu học Bảo Hà. Quyết định số 1562/QĐ-UBND ngày 16/8/2024 của UBND huyện Bảo Yên điều động giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường PTDTBT Tiểu học Bảo Hà. Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 01/9/2008; Quyết định số 2691/QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2023; Quyết định số 2001/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2010; Quyết định số 2852/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2023 bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng trường PTDTBT Tiểu học Bảo Hà.

Quyết định số 530/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 Quyết định về việc tiếp nhận và phân công công tác đối với viên chưa.

***d) Quy chế tổ chức và hoạt động; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; sơ đồ tổ chức bộ máy***

**Cơ chế hoạt động của trường PTDTBT Tiểu học Bảo Hà:**

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỷ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

### **Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn:**

Trường PTDTBT Tiểu học Bảo Hà được thành lập theo Quyết định số 583/QĐ-UBND ngày 18/8/2003 của UBND huyện Bảo Yên về việc tách trường PTCS và thành lập trường mới và Quyết định số 2433/QĐ-UBND ngày 30/8/2023 của UBND huyện Bảo Yên về việc thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học Bảo Hà. Quyết định số 2077/QĐ-UBND ngày 20/6/2025 của UBND huyện Bảo Yên về việc chuyển giao trường học.

Trường PTDTBT Tiểu học Bảo Hà là đơn vị trực thuộc UBND xã Bảo Hà, nhà trường đã xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển phù hợp với mục tiêu giáo dục tiểu học và điều kiện thực tế.

Tổ chức giảng dạy, học tập và các hoạt động giáo dục đạt chất lượng theo mục tiêu, chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Tiếp nhận và vận động học sinh đến trường, thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục tiểu học trong phạm vi xã Bảo Hà. Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh theo quy định; tổ chức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh tham gia các hoạt động xã hội trong cộng đồng.

Quản lý, sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị và tài chính theo quy định của pháp luật.

Phối hợp với gia đình học sinh, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện các hoạt động giáo dục.

Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

- + 01 Hội đồng trường với 11 thành viên.
- + 01 Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng.
- + 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.
- + Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).
- + Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 26 đảng viên.
- + Tổ chức Đoàn đội: có 12 lớp sao nhi đồng và 9 chi đội.
- + Ban đại diện CMHS.
- + Các tổ chuyên môn: 05 tổ chuyên môn, 01 tổ văn phòng và 01 tổ quản lý học sinh bán trú.

đ) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc,

nhệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Thư điện tử
1	Nguyễn Viết Thanh	Hiệu trưởng	0868050981	<a href="mailto:thienthanhks81@gmail.com">thienthanhks81@gmail.com</a>
2	Nguyễn Thị Bích Hiệp	PHT	0981067918	<a href="mailto:nguyenbichhiepbh2@gmail.com">nguyenbichhiepbh2@gmail.com</a>
3	Phạm Thị Mai Khang	Phó Hiệu trưởng	0948094189	<a href="mailto:maikhangpham@gmail.com">maikhangpham@gmail.com</a>

### 8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục

- Kế hoạch số: 146/KH-BTTHBH, ngày 10/9/2025 – Kế hoạch Thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026 của trường PTDTBT Tiểu học Bảo Hà.

- Quy chế dân chủ ở cơ sở của nhà trường Quyết định số 169/QĐ-BTTHBH ngày 29/9/2025 về việc Ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Trường PTDTBT Tiểu học Bảo Hà.

- Quyết định ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của trường PTDTBT Tiểu học Bảo Hà năm 2025.

- Quyết định thành lập Hội đồng thi đua khen thưởng năm học 2025-2026 số 153/QĐ-PTDTBT ngày 19/9/2025;

- Kế hoạch số 155/KH-BTTHBH, ngày 18/9/2025 - Kế hoạch kiểm tra nội bộ trường học năm học 2025-2026 của trường PTDTBT Tiểu học Bảo Hà.

- Kế hoạch số 137/KH-BTTHBH ngày 28/8/2025, kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2025-2026.

- Căn cứ Quyết định số 129/QĐ-BTTHBH ngày 22/8/2025 thành lập tổ chuyên môn, tổ văn phòng năm học 2025-2026.

- Một số văn bản khác.

## II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo;

Thông tin	TS	Số nữ	Đăng viên	Trình độ				GVG		Biên chế	HD
				ĐH	CD	TC	LL CT	Huyện	Tỉnh		

CB quản lý	3	2	3	3			3	3		3	
GV tiểu học	24	17	16	24						24	
GV Thể dục	2		2	2				2		2	
GV Ngoại ngữ	1	1	1	1				1		1	
GV Âm nhạc	1			1						1	
GV Mỹ thuật	1		1	1				1		1	
GV Tin học	1	1	1	1				1		1	
TPT Đội	1		1	1				1		1	
Thư viện, TB											
Kế toán, VT	1	1	1			1				1	
Y tế, TQ											
<b>Tổng số</b>	<b>35</b>	<b>22</b>	<b>26</b>	<b>34</b>		<b>1</b>	<b>3</b>	<b>21</b>	<b>3</b>	<b>35</b>	

**2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định**

	Tổng (Người)	Kết quả xếp loại của cơ sở giáo dục			
		Khá		Tốt	
		SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)
<b>1. CBQL</b>					
Hiệu trưởng	1			1	100
Phó Hiệu trưởng	2	1	50	1	50

<b>2. Giáo viên</b>					
Tổng số	31	5	16	26	74
Nữ	22	2	9	20	91

### **3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bài bồi dưỡng hằng năm theo quy định**

Tổng số: 35 (CBQL: 03; giáo viên: 31, NV: 01); Kết quả hoàn thành công tác bồi dưỡng: 35/35 đạt tỉ lệ 100%.

## **III. CƠ SỞ VẬT CHẤT**

### **1. Diện tích khu đất xây dựng trường**

Trường PTDTBT Tiểu học Bảo Hà gồm điểm trường Trung tâm và 5 điểm trường lẻ là điểm trường Bông 1+2, điểm trường Bông 3, điểm trường Khoai 1+2, điểm trường Khoai 3, điểm trường Chùn. Điểm trường Trung tâm được xây dựng tại bản Tấp 2, xã Bảo Hà, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai. Tổng diện tích khuôn viên nhà trường là 21,596,39m<sup>2</sup> đạt tỷ lệ 52,8m<sup>2</sup>/1 học sinh đảm bảo yêu cầu cho học sinh học 2 buổi/ngày theo Điều 9 Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT 26/5/2020. Các điểm trường được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Điểm trường điểm trường Khoai 3 số CT 01829, điểm trường Khoai 1+2 số CT 01830, điểm trường Bông 1+2 số CT 01831, điểm trường Bông 3 số CT 01832 [H15-3.1-01]. Nhà trường được xây dựng đảm bảo diện tích theo quy định quốc gia TCVN 8793:2011 về yêu cầu thiết kế trường tiểu học.

### **2. Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị**

Phòng theo mục đích sử dụng	Số lượng	Diện tích trung bình (m <sup>2</sup> )	Đủ (thiếu)	Kiên cố	Sử dụng có hiệu quả	Đảm bảo các điều kiện CSVC
<b>1. Khối phòng hành chính- quản trị</b>						
Phòng Hiệu trưởng	1	18	Đủ	x	x	x
Phòng Phó HT	2	36	Đủ	x	x	x

Văn phòng	1	18	Đủ	x	x	x
Phòng bảo vệ	1	10	Đủ	x	x	x
Khu vệ sinh GV	2	40	Đủ	x	x	x
Khu để xe GV	1	80	Đủ	x	x	x
<b>2. Khối phòng học tập</b>						
Phòng học	19	42	Đủ	x	x	x
Phòng KH-CN	1	60	Đủ	x	x	x
Phòng AN	1	60	Đủ	x	x	x
Phòng Mỹ thuật	1	60	Đủ	x	x	x
Phòng ngoại ngữ	1	42	Đủ	x	x	x
Phòng máy tính	1	42	Đủ	x	x	x
Nhà đa chức năng	0	0	Thiếu	0	0	0
<b>3. Khối phòng hỗ trợ học tập</b>						
Thư viện	1	42	Đủ	x	x	x
Phòng đọc	0	0	Thiếu	0	0	0
Phòng Thiết bị	1	42	Đủ	x	x	x
Phòng tư vấn TLHĐ và hỗ trợ HS khuyết tật	1	18	Đủ	x	x	x

Phòng TT và HD Đội	1	42	Đủ	x	x	x
<b>4. Khối phụ trợ</b>						
Phòng họp	1	60	Đủ	x	x	x
Phòng Y tế	1	18	Đủ	x	x	x
Nhà kho	1	18	Đủ	x	x	x
Khu để xe HS	1	30	Đủ	x	x	x
Khu vệ sinh HS	15	270	Đủ	x	x	x
<b>5. Khối phục vụ sinh hoạt</b>						
Nhà bếp	1	30	Đủ	x	x	x
Kho bếp	1	18	Đủ	x	x	x

### **3. Số thiết bị dạy học hiện có**

- 100% các lớp học và phòng học bộ môn có đủ bàn ghế, tivi, đồ dùng và phương tiện dạy học.

- Toàn trường có 17 máy tính để bàn có kết nối mạng Internet, 08 máy tính xách tay, 05 máy chiếu đa năng, 4 bộ thiết bị vận động ngoài trời.

### **4. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt**

#### *a) Danh mục sách giáo khoa lớp 1*

<b>TT</b>	<b>Môn (HDGD)</b>	<b>Bộ sách</b>	<b>Tên tác giả</b>	<b>Nhà xuất bản</b>
1	Tiếng Việt 1	Cùng học để phát triển năng lực	Nguyễn Thị Hạnh (CB)...	Nhà xuất bản Giáo dục

2	Toán 1	Cùng học để phát triển năng lực	Đinh Thế Lục (Tổng CB) Phan Doãn Thoại (CB)...	Nhà xuất bản Giáo dục
3	Đạo đức 1	Cùng học để phát triển năng lực	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng CB) Huỳnh Văn Sơn (CB)...	Nhà xuất bản Giáo dục
4	Tự nhiên và Xã hội 1	Cùng học để phát triển năng lực	Nguyễn Hữu Đĩnh (Tổng CB).. Phan Thanh Hà (CB)...	Nhà xuất bản Giáo dục
5	Giáo dục thể chất 1	Cùng học để phát triển năng lực	Hồ Đắc Sơn (Tổng CB kiêm CB)...	Nhà xuất bản Giáo dục
6	Âm nhạc 1	Cùng học để phát triển năng lực	Hoàng Long (Tổng CB kiêm CB)	Nhà xuất bản Giáo dục
7	Mĩ thuật 1	Cùng học để phát triển năng lực	Đoàn Thị Mỹ Hương (Tổng CB) Trịnh Đức Minh - Bạch Ngọc Diệp (CB)...	Nhà xuất bản Giáo dục
8	Hoạt động trải nghiệm 1	Cùng học để phát triển năng lực	Lưu Thu Thủy (Tổng CB) Nguyễn Thụy Anh (CB)	Nhà xuất bản Giáo dục

*b) Danh mục sách giáo khoa lớp 2*

	<b>Môn ĐGD)</b>	<b>Bộ sách</b>	<b>Tên tác giả</b>	<b>Nhà xuất bản</b>
--	---------------------	----------------	--------------------	-------------------------

1	Tiếng Việt 2	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Bùi Mạnh Hùng - Trần Thị Hiền Lương (đồng Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Trịnh Cẩm Lan, Vũ Thị Lan, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Chu Thị Phương, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hảo Tâm.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2	Toán 2	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

3	Đạo đức 2	Cánh diều	Trần Văn Thắng (Tổng Chủ biên), Ngô Vũ Thu Hằng (Chủ biên), Nguyễn Thị Việt Hà, Vũ Thị Mai Hương	Nhà xuất bản Đại học Quốc gia TP HCM
4	Tự nhiên và Xã hội 2	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thân (Chủ biên), Đào Thị Hồng, Phương Hà Lan, Phạm Việt Quỳnh, Hoàng Quý Tĩnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Giáo dục thể chất 2	Chân trời sáng tạo	Phạm Thị Lệ Hằng (Chủ biên), Bùi Ngọc Bích, Lê Hải, Nguyễn Đình Phát, Trần Minh Tuấn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Âm nhạc 2	Chân trời sáng tạo	Hồ Ngọc Khải - Lê Anh Tuấn (đồng Tổng Chủ biên) - Đặng Châu Anh (Chủ biên), Lương Diệu Ánh, Nguyễn Đăng Bửu, Trần Ngọc Hưng, Nguyễn Mai Kiên, Hà Thị Thư, Trịnh Mai Trang, Tô Ngọc Tú, Lâm Đức Vinh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Mĩ thuật 2	Chân trời sáng tạo	Nguyễn Thị Nhung, Nguyễn Xuân Tiên (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường, Hoàng Minh Phúc (đồng Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Vũ Đức Long, Nguyễn Ánh Phương Nam, Lâm Yên Như, Phạm Văn Thuận, Đàm Thị Hải Uyên, Trần Thị Vân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

8	Hoạt động trải nghiệm 2	Cánh điều	Nguyễn Dục Quang (Tổng Chủ biên), Phạm Quang Tiếp (Chủ biên), Nguyễn Thị Thu Hằng, Ngô Quang Quế.	Nhà xuất bản Đại học Quốc gia TP HCM
---	-------------------------	-----------	---	--------------------------------------

*c) Danh mục sách giáo khoa lớp 3*

TT	Môn (HĐGD)	Bộ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt	Kết nối tri thức với cuộc sống	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Trần Kim Phượng. Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Lê Hằng, Vũ Thị Lan, Đặng Thị Hào Tâm	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2	Toán	Cánh điều	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên), Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên), Nguyễn Hoài Anh, Trần Thuý Ngà, Nguyễn Thị Thanh Sơn.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
3	Đạo đức	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Nguyễn Thị Việt Hà.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	TNXH	Cánh điều	Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Bùi Phương Nga (Chủ biên), Phùng Thanh Huyền, Nguyễn Tuyết Nga, Lương Việt Thái.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
5	Giáo dục thể chất	Cánh điều	Lưu Quang Hiệp (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hữu Hùng (Chủ biên), Nguyễn Thành Long, Phạm Đức Toàn, Vũ Thị Mai Phương.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm

6	Âm nhạc	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Nga, Đặng Khánh Nhật	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Mĩ thuật	Chân trời sáng tạo	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Hồng Ngọc (đồng Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Võ Thị Nguyễn, Phạm Văn Thuận.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Hoạt động trải nghiệm	Chân trời sáng tạo	Phó Đức Hòa, Vũ Quang Tuyên (đồng Tổng Chủ biên), Bùi Ngọc Diệp, Nguyễn Hữu Tâm (đồng Chủ biên), Nguyễn Hà My, Đặng Thị Thanh Nhân, Nguyễn Huyền Trang.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Tin học	Cánh diều	Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thanh Thủy (Chủ biên), Hồ Cẩm Hà, Nguyễn Chí Trung, Kiều Phương Thùy	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
10	Công nghệ	Cánh diều	Nguyễn Trọng Khanh (Tổng Chủ biên), Hoàng Đình Long (Chủ biên), Nhữ Thị Việt Hoa, Nguyễn Thị Mai Lan.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
11	Tiếng Anh	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Lương Quỳnh Trang (Chủ biên), Nguyễn Thị Lan Anh, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Nguyễn Bích Thủy, Nguyễn Quốc Tuấn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

*d) Danh mục sách giáo khoa lớp 4*

TT	Tên sách	Bộ sách	Tác giả	Nhà xuất bản
----	----------	---------	---------	--------------

1	Tiếng Việt 4	Kết nối tri thức với cuộc sống	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng(Tổng chủ biên); Trần Thị Hiền Lương( Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
			Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên) Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hảo Tâm.	
2	Toán 4	Cánh điều	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên), Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên), Nguyễn Hoài Anh, Trần Thuý Nga, Nguyễn Thị Thanh Sơn.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
3	Đạo đức 4	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Lịch sử và Địa lí 4	Cánh điều	Đỗ Thanh Bình,(Tổng chủ biên phần Lịch sử), Nguyễn Văn Dũng (chủ biên phần Lịch sử), Ninh Thị Hạnh, Nguyễn Thị Phương Thanh, Lê Thông (Tổng chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Tuyết Nga (Chủ biên phần Địa lí), Phạm Thị Sen, Nguyễn Thị Trang Thanh	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
5	Khoa học 4	Cánh Điều	Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Bùi Phương Nga (Chủ biên), Phan Thị Thanh Hội, Phùng Thanh Huyền, Lương Việt Thái	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
6	Tin học 4	Cánh Điều	Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thanh Thủy (Chủ biên), Hồ Cẩm Hà, Nguyễn Thị Hồng, Đỗ Thị Bích Ngọc, Nguyễn Chí Trung.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
7	Công nghệ 4	Cánh Điều	Nguyễn Tất Thắng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Minh Hằng, Nguyễn Thị Mai Lan (đồng Chủ biên), Hoàng Xuân Anh.	NXB Đại học sư phạm TPHCM
8	Giáo dục thể chất 4	Cánh Điều	Đình Quang Ngọc (Tổng chủ biên), Mai Thị Bích Ngọc (Chủ biên), Đình Khánh	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm

			Thu, Nguyễn Thị Thu Quyết, Đinh Thị Mai Anh.	
9	Âm nhạc 4	Kết nối tri thức với cuộc sống	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng chủ biên) Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
10	Mĩ thuật 4	Chân trời sáng tạo	Nguyễn Thị Nhung (Tổng chủ biên) Nguyễn Tuấn Cường (Chủ biên) Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Phạm Văn Thuận	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
11	Hoạt động trải nghiệm 4	Chân trời sáng tạo	Phó Đức Hòa (Tổng chủ biên) Bùi Ngọc Diệp (Chủ biên), Lê Thị Thu Huyền, Nguyễn Hà My, Đặng Thị Thanh Nhân, Nguyễn Hữu Tâm, Nguyễn Huyền Trang.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
12	Tiếng Anh 4	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên), Nguyễn Quốc Tuấn (Chủ biên), Phan Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Minh Tuấn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

TT	Môn (HDGD)	Tên sách, bộ sách	Tên tác giả	Tổ chức, cá nhân (NXB)
1	Tiếng Việt 5	Kết nối tri thức với cuộc sống	<p>Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phụng.</p> <p>Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Đặng Thị Hào Tâm.</p>	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

2	Toán 5	Cánh điều	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên), Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên), Nguyễn Hoài Anh, Trần Thuý Ngà, Nguyễn Thị Thanh Sơn.	Công ty Cổ phần Đầu tư- Xuất bản Thiết bị Giáo dục Việt Nam (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)
3	Đạo đức 5	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Lịch sử và Địa lí 5	Cánh điều	Đỗ Thanh Bình (Tổng Chủ biên phần Lịch sử), Nguyễn Văn Dũng (Chủ biên phần Lịch sử), Ninh Thị Hạnh, Nguyễn Thị Phương Thanh, Lê Thông (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Tuyết Nga (Chủ biên phần Địa lí), Phạm Thị Sen, Nguyễn Thị Trang Thanh.	Công ty Cổ phần Đầu tư- Xuất bản Thiết bị Giáo dục Việt Nam (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)
<b>TT</b>	<b>Môn (HDGD)</b>	<b>Tên sách, bộ sách</b>	<b>Tên tác giả</b>	<b>Tổ chức, cá nhân (NXB)</b>
5	Khoa học 5	Cánh điều	Bùi Phương Nga (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Phạm Hồng Bắc, Phan Thị Thanh Hội, Phùng Thanh Huyền, Lương Việt Thái.	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)

6	Tin học 5	Cánh điều	Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thanh Thủy (Chủ biên), Hồ Cẩm Hà, Nguyễn Thị Hồng, Đỗ Thị Bích Ngọc, Nguyễn Chí Trung.	Công ty Cổ phần Đầu tư- Xuất bản Thiết bị Giáo dục Việt Nam (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)
7	Công nghệ 5	Cánh điều	Nguyễn Trọng Khanh (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Mai Lan, Ngô Văn Thanh, Chu Văn Vượng.	Công ty Cổ phần Đầu tư- Xuất bản Thiết bị Giáo dục Việt Nam (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh)
8	Giáo dục thể chất 5	Cánh điều	Đình Quang Ngọc (Tổng Chủ biên), Mai Thị Bích Ngọc (Chủ biên), Đình Khánh Thu, Nguyễn Thị Thu Quyết, Đình Thị Mai Anh.	Công ty Cổ phần Đầu tư- Xuất bản Thiết bị Giáo dục Việt Nam (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)
9	Âm nhạc 5	Kết nối tri thức với cuộc sống	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
10	Mĩ thuật 5	Chân trời sáng tạo	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường (Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Phạm Văn Thuận.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

11	Hoạt động trải nghiệm 5	Chân trời sáng tạo	Phó Đức Hòa (Tổng Chủ biên), Bùi Ngọc Diệp (Chủ biên), Lê Thị Thu Huyền, Nguyễn Hà My, Đặng Thị Thanh Nhân, Nguyễn Hữu Tâm, Nguyễn Huyền Trang.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
12	Tiếng Anh 5 (Global Success)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Trần Hương Quỳnh (Chủ biên), Phan Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Nguyễn Minh Tuấn, Nguyễn Quốc Tuấn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

## 2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học 2024 -2025

### a) Kết quả tuyển sinh; số lượng học sinh theo từng khối

Khối	Tổng số HS	Nữ		Dân tộc		Nữ dân tộc		Khuyết tật	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
Khối 1	75	41	54,7	70	93,3	40	53,3	4	5,3
Khối 2	75	33	44	68	90,7	29	38,7	9	12
Khối 3	79	34	43	72	91,1	30	38	4	5
Khối 4	89	45	50,6	81	91	40	45	8	9
Khối 5	86	47	54,7	74	86	40	46,5	4	4,7

### b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo

#### 1. Chất lượng giáo dục

	Sĩ số	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Khối 5	
		Sĩ số	Nữ	Sĩ số	Nữ	Sĩ số	Nữ	Sĩ số	Nữ	Sĩ số	Nữ
<b>I. Kết quả học tập</b>											
<b>1. Tiếng Việt</b>	<b>404</b>	75	41	75	33	79	34	89	45	86	47

Hoàn thành tốt	<b>193</b>	44	28	33	22	30	13	38	27	48	36
Hoàn thành	<b>206</b>	31	13	41	11	47	20	49	18	38	11
Chưa hoàn thành	<b>5</b>	0	0	1	0	2	1	2	0	0	0
<b>2. Toán</b>	<b>404</b>	75	41	75	33	79	34	89	45	86	47
Hoàn thành tốt	<b>227</b>	50	29	41	24	42	16	34	23	60	36
Hoàn thành	<b>172</b>	25	12	33	9	36	17	52	22	26	11
Chưa hoàn thành	<b>5</b>	0	0	1	0	1	1	3	0	0	0
<b>3. Đạo đức</b>	<b>404</b>	75	41	75	33	79	34	89	45	86	47
Hoàn thành tốt	<b>168</b>	33	21	31	19	35	13	35	24	34	27
Hoàn thành	<b>236</b>	42	20	44	14	44	21	54	21	52	20
Chưa hoàn thành	<b>0</b>	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
<b>4. Tự nhiên và Xã hội</b>	<b>229</b>	75	41	75	33	79	34				
Hoàn thành tốt	<b>96</b>	32	21	31	19	33	14				
Hoàn thành	<b>133</b>	43	20	44	14	46	20				
Chưa hoàn thành	<b>0</b>	0	0	0	0	0	0				
<b>5. Khoa học</b>	<b>175</b>							89	45	86	47
Hoàn thành tốt	<b>95</b>							43	29	52	36
Hoàn thành	<b>80</b>							46	16	34	11
Chưa hoàn thành	<b>0</b>							0	0	0	0
<b>6. LS &amp;ĐL</b>	<b>175</b>							89	45	86	47



<b>11. TH-CN (Tin học)</b>	<b>254</b>					79	34	89	45	86	47
Hoàn thành tốt	<b>121</b>					35	18	50	33	44	34
Hoàn thành	<b>133</b>					44	16	39	12	42	13
Chưa hoàn thành	<b>0</b>					0	0	0	0	0	0
<b>12. TH-CN (Công nghệ)</b>	<b>254</b>					79	34	89	45	86	47
Hoàn thành tốt	<b>141</b>					41	21	42	29	50	36
Hoàn thành	<b>113</b>					38	13	47	16	36	11
Chưa hoàn thành	<b>0</b>					0	0	0	0	0	0
<b>13. Ngoại ngữ</b>	<b>254</b>					79	34	89	45	86	47
Hoàn thành tốt	<b>112</b>					32	15	44	31	36	29
Hoàn thành	<b>142</b>					47	19	45	14	50	18
Chưa hoàn thành	<b>0</b>					0	0	0	0	0	0
<b>14. Tiếng dân tộc</b>											
Hoàn thành tốt											
Hoàn thành											
Chưa hoàn thành											
<b>II. Năng lực cốt lõi</b>											
<b>Năng lực chung</b>											
<b>Tự chủ và tự học</b>	<b>404</b>	75	41	75	33	79	34	89	45	86	47

Tốt	<b>156</b>	33	22	28	19	30	13	31	21	34	27
Đạt	<b>243</b>	42	19	46	14	48	20	55	24	52	20
Cần cố gắng	<b>5</b>	0	0	1	0	1	1	3	0	0	0
<b><i>Giao tiếp và hợp tác</i></b>	<b>404</b>	75	41	75	33	79	34	89	45	86	47
Tốt	<b>165</b>	32	21	28	19	30	13	39	27	36	28
Đạt	<b>235</b>	43	20	46	14	48	20	48	18	50	19
Cần cố gắng	<b>4</b>	0	0	1	0	1	1	2	0	0	0
<b><i>Giải quyết vấn đề và sáng tạo</i></b>	<b>404</b>	75	41	75	33	79	34	89	45	86	47
Tốt	<b>150</b>	32	21	28	19	30	13	29	21	31	25
Đạt	<b>249</b>	43	20	46	14	48	20	57	24	55	22
Cần cố gắng	<b>5</b>	0	0	1	0	1	1	3	0	0	0
<b><i>Năng lực đặc thù</i></b>											
<b><i>Ngôn ngữ</i></b>	<b>404</b>	75	41	75	33	79	34	89	45	86	47
Tốt	<b>178</b>	34	24	34	22	33	14	36	26	41	32
Đạt	<b>223</b>	41	17	40	11	46	20	51	19	45	15
Cần cố gắng	<b>3</b>	0	0	1	0	0	0	2	0	0	0
<b><i>Tính toán</i></b>	<b>404</b>	75	41	75	33	79	34	89	45	86	47
Tốt	<b>203</b>	44	25	39	23	42	16	31	22	47	31
Đạt	<b>196</b>	31	16	35	10	36	17	55	23	39	16
Cần cố gắng	<b>5</b>	0	0	1	0	1	1	3	0	0	0



<b><i>III. Phẩm chất chủ yếu</i></b>											
<b><i>Yêu nước</i></b>	<b>404</b>	75	41	75	33	79	34	89	45	86	47
Tốt	<b>181</b>	33	22	41	23	31	13	40	27	36	27
Đạt	<b>221</b>	42	19	33	10	48	21	48	18	50	20
Cần cố gắng	<b>2</b>	0	0	1	0	0	0	1	0	0	0
<b><i>Nhân ái</i></b>	<b>404</b>	75	41	75	33	79	34	89	45	86	47
Tốt	<b>181</b>	34	23	41	23	30	13	39	26	37	28
Đạt	<b>221</b>	41	18	33	10	49	21	49	19	49	19
Cần cố gắng	<b>2</b>	0	0	1	0	0	0	1	0	0	0
<b><i>Chăm chỉ</i></b>	<b>404</b>	75	41	75	33	79	34	89	45	86	47
Tốt	<b>156</b>	34	23	28	19	31	13	29	21	34	27
Đạt	<b>244</b>	41	18	46	14	47	20	58	24	52	20
Cần cố gắng	<b>4</b>	0	0	1	0	1	1	2	0	0	0
<b><i>Trung thực</i></b>	<b>404</b>	75	41	75	33	79	34	89	45	86	47
Tốt	<b>165</b>	34	23	28	19	31	13	36	25	36	28
Đạt	<b>237</b>	41	18	46	14	48	21	52	20	50	19
Cần cố gắng	<b>2</b>	0	0	1	0	0	0	1	0	0	0
<b><i>Trách nhiệm</i></b>	<b>404</b>	75	41	75	33	79	34	89	45	86	47
Tốt	<b>155</b>	36	25	27	18	31	13	29	21	32	26
Đạt	<b>246</b>	39	16	47	15	48	21	58	24	54	21



								số		số	
<b><i>I. Kết quả học tập</i></b>											
<b><i>1. Tiếng Việt</i></b>	<b>404</b>	75	41	75	33	79	34	89	45	86	47
Điểm 10	<b>1</b>	1	1								
Điểm 9	<b>91</b>	19	14	19	11	16	6	19	15	18	14
Điểm 8	<b>31</b>	6	3	5	4	3	2	7	4	10	8
Điểm 7	<b>72</b>	18	10	10	7	12	5	12	7	20	14
Điểm 6	<b>117</b>	21	11	20	7	24	12	27	16	25	4
Điểm 5	<b>87</b>	10	2	20	4	22	8	22	3	13	7
Dưới điểm 5	<b>5</b>			1		2	1	2			
<b><i>2.Toán</i></b>	<b>404</b>	75	41	75	33	79	34	89	45	86	47
Điểm 10	<b>10</b>	6	6	1	1			1	1	2	2
Điểm 9	<b>102</b>	19	9	22	14	20	8	14	9	27	21
Điểm 8	<b>42</b>	14	5	6	2	5	4	7	5	10	3
Điểm 7	<b>74</b>	11	9	12	7	17	4	12	8	22	10
Điểm 6	<b>91</b>	17	11	12	3	18	7	22	13	22	9
Điểm 5	<b>80</b>	8	1	21	6	18	10	30	9	3	2
Dưới điểm 5	<b>5</b>			1		1	1	3			
<b><i>3.TH-CN (Tin học)</i></b>	<b>254</b>					79	34	89	45	86	47
Điểm 10	<b>3</b>							1	1	2	1

Điểm 9	<b>51</b>					18	9	15	12	18	14
Điểm 8	<b>40</b>					10	4	17	10	13	12
Điểm 7	<b>27</b>					7	5	9	5	11	7
Điểm 6	<b>106</b>					33	13	37	17	36	10
Điểm 5	<b>27</b>					11	3	10		6	3
Dưới điểm 5											
<b>4. TH-CN (Công nghệ)</b>	<b>254</b>					79	34	89	45	86	47
Điểm 10	<b>10</b>					5	3	5	5		
Điểm 9	<b>58</b>					19	9	17	10	22	17
Điểm 8	<b>35</b>					7	3	16	10	12	11
Điểm 7	<b>38</b>					10	6	12	8	16	8
Điểm 6	<b>110</b>					38	13	36	12	36	11
Điểm 5	<b>3</b>							3			
Dưới điểm 5											
<b>5. Ngoại ngữ</b>	<b>254</b>					79	34	89	45	86	47
Điểm 10	<b>6</b>					2	1	2	2	2	1
Điểm 9	<b>33</b>					11	3	12	8	10	8
Điểm 8	<b>18</b>					7	5	5	5	6	5
Điểm 7	<b>55</b>					12	6	25	16	18	15
Điểm 6	<b>85</b>					32	16	20	9	33	14

Điểm 5	57					15	3	25	5	17	4
Dưới điểm 5											
<b>6. Khoa học</b>	<b>175</b>							89	45	86	47
Điểm 10											
Điểm 9	29							12	9	17	13
Điểm 8	36							18	11	18	12
Điểm 7	30							13	9	17	11
Điểm 6	55							26	13	29	9
Điểm 5	25							20	3	5	2
Dưới điểm 5											
<b>7. Lịch sử và Địa lý</b>	<b>175</b>							89	45	86	47
Điểm 10											
Điểm 9	37							15	11	22	18
Điểm 8	26							15	9	11	8
Điểm 7	31							14	10	17	8
Điểm 6	54							26	12	28	9
Điểm 5	27							19	3	8	4
Dưới điểm 5											

*c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn chương trình tiểu học*

Số lượng học sinh được công nhận hoàn chương trình tiểu học  $86/86 = 100\%$ .

## VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH NĂM 2025

	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mã số	Quyết toán chi NSNN (năm tài chính n-1)	Chi NSNN	
					Dự toán	Ước thực hiện
	A	B		1	2	3
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>triệu đồng</b>	<b>1130636</b>			
<b>2</b>	<b>Giáo dục Tiểu học</b>	triệu đồng				
2.1	Chia theo nguồn:					
2.1.1	Nguồn NSNN	triệu đồng		12154	13382	14550
2.1.2	Nguồn phí, lệ phí để lại	triệu đồng				
2.1.3	Nguồn khác	triệu đồng				
2.2	Chia theo nhóm chi:					
2.2.1	Chi thanh toán cá nhân	triệu đồng		8897	10059	10059
2.2.2	Chi hàng hóa dịch vụ	triệu đồng		64	504	504
2.2.3	Chi hỗ trợ và bổ sung	triệu đồng		216	384	384
2.2.4	Các khoản chi khác	triệu đồng		2977	2818	2099
<b>6</b>	<b>Đào tạo khác trong nước</b>	triệu đồng				
6.1	Chia theo nguồn:					
6.1.1	Nguồn NSNN	triệu đồng				
6.1.2	Nguồn phí, lệ phí để lại	triệu đồng				
6.1.3	Nguồn khác	triệu đồng				
6.2	Chia theo nhóm chi:					
6.2.1	Chi thanh toán cá nhân	triệu đồng				
6.2.2	Chi hàng hóa dịch vụ	triệu đồng				
6.2.3	Chi hỗ trợ và bổ sung	triệu đồng				
6.2.4	Các khoản chi khác	triệu đồng				

7	<b>Đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức</b>	triệu đồng				
7.1	Chia theo nguồn:					
7.1.1	Nguồn NSNN	triệu đồng				
7.1.2	Nguồn phí, lệ phí để lại	triệu đồng				
7.1.3	Nguồn khác	triệu đồng				
7.2	Chia theo nhóm chi:					
7.2.1	Chi thanh toán cá nhân	triệu đồng				
7.2.2	Chi hàng hóa dịch vụ	triệu đồng				
7.2.3	Chi hỗ trợ và bổ sung	triệu đồng				
7.2.4	Các khoản chi khác	triệu đồng				

## **VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC**

### **1. Thực hiện các cuộc vận động và phong trào thi đua**

- 100% CB, GV thực hiện tốt các chỉ thị, các cuộc vận động.
- Có 02 GV đạt Giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh; Có 02 GV đạt Đạt GVĐG bài học STEM cấp tỉnh (ko có)
- Có 14 CBQL, GV đạt “GV dạy giỏi cấp huyện” năm học 2024-2025
- Có 01 GV được Bộ GD tặng Bằng khen; 06 GV đạt CSTĐCS; 26 GV đạt LĐTĐ cấp huyện.

Tập thể:

- Tập thể nhà trường được xếp loại “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” được Chủ tịch UBND huyện tặng Giấy khen Tập thể Lao động tiên tiến.
- Tổ chức Đội: Được tặng giấy khen “Liên đội vững mạnh” cấp huyện.
- Danh hiệu thi đua đạt được trong năm học:

### **2. Thực hiện nội dung, chương trình và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện**

\* Học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình tiểu học: 86/86 em = 100%.

\* Số học sinh hoàn thành chương trình lớp học 401/404 đạt 99,3%

Có 03 học sinh được Giám đốc SGD&ĐT tặng giấy khen; 02 học sinh được Chủ tịch UBND huyện tặng giấy khen; 15 học sinh được Hội Khuyến học huyện khen thưởng; 15 học sinh được Hội Khuyến học xã khen thưởng. 137 học sinh được Hiệu trưởng trường PTDTBT TH Bảo Hà tặng giấy khen; 100 học sinh được tặng danh hiệu Châu ngoan Bác Hồ cấp huyện; 280 học sinh được tặng danh hiệu Châu ngoan Bác Hồ cấp xã.

\* Kết quả các cuộc thi, giao lưu:

+ Cấp huyện (47 giải): Giải Nhất: 1 giải; Nhì: 13 giải; Ba: 17 giải; KK: 16 giải

+ Cấp tỉnh (25 giải): Giải Nhất: 3 giải; Nhì: 13 giải; Ba: 9 giải; KK: 0 giải

+ Cấp Quốc gia: 01 huy chương đồng

### **3. Thực hiện nhiệm vụ PCGDTH**

- Quy mô trường lớp: 404 HS/19 lớp.

- Xã Bảo Hà tiếp tục đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3.

### **4. Công tác khác**

Nhà trường đã phối hợp với các cơ quan, ban ngành, đoàn thể thực hiện các hoạt động giáo dục trong nhà trường, Đảm bảo an toàn, an ninh trường học; công tác y tế học đường, chăm sóc sức khỏe học sinh trong thời gian dịch bệnh đã được chú trọng góp phần nâng cao sức khỏe và đảm bảo an toàn cho học sinh.

  
HIỆU TRƯỞNG  
TRƯỜNG  
PTDT BÀN TRÚ  
TIỂU HỌC  
BẢO HÀ  
Nguyễn Việt Thanh